

MARKET INSIGHTS REPORTS

08/08/2023

LIỆU CÓ XUẤT HIỆN HIỆU ỨNG CHÓT LỜI ĐỒNG
LOẠT VÀO NGÀY MAI ?



NHỊP ĐẬP THỊ TRƯỜNG

VN-Index đóng cửa giao dịch tạo thành mẫu hình giao dịch “Black Candle”. Khối lượng giao dịch tăng và nằm trên mức trung bình 20 ngày. Giá tăng khối lượng giao dịch tăng là tín hiệu giao dịch tốt về mặt kỹ thuật nhưng thực tế hôm nay số mã giảm giá gần tương đương số mã tăng giá và áp lực bán tăng mạnh.

Các điểm cần lưu ý: (i) RSI(14) ở mức cao và bắt đầu chững lại điều chỉnh. Thống kê cho thấy khi RSI khung ngày và khung tuần ở trạng thái này, thị trường thường chiều chỉnh mạnh với thời gian từ 2 – 7 tuần và chúng ta đang có một phân kỳ âm cảnh báo sự đảo chiều. Tuy nhiên có lẽ đây là giai đoạn sự hưng phấn đang lên cao độ và đặc biệt nhóm vốn hóa lớn đang còn dư địa tăng giá nên khả năng điều chỉnh ngay chưa xuất hiện. Điều này có lẽ đang lặp lại hình ảnh tương tự như giai đoạn trước đây khi VN-Index vượt 1,200 và tiến thẳng tới 1,400 điểm (Giai đoạn Covid-19 năm 2021 – 2022). (ii) Về mặt định giá, với lãi suất tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng khoảng 7.5% thì định giá P/E thị trường ở mức hợp lý là 13.3 lần và do vậy việc chỉ số giao dịch quanh vùng 1,200 – 1,300 điểm là vùng tái định giá hợp lý. Còn khi tăng trưởng lên mức cao hơn nhà đầu tư sẽ nhìn vào kỳ vọng tăng trưởng EPS của doanh nghiệp. (iii) Nhóm ngân hàng và Vincom bắt đầu chạm vùng giá mục tiêu của đà tăng giá những ngày qua. Điều này có thể gây áp lực điều chỉnh ở những phiên giao dịch sắp tới. Nếu điều này xảy ra cũng là điều hoàn toàn bình thường. (iv) Một vài mã vốn hóa nhỏ vẫn giao dịch tốt như MCG, JVC, MCG, TSC, LIG... Dù chưa thành trào lưu nhưng ít nhiều cho thấy xu hướng đẩy mua vào nhóm vốn hóa nhỏ sau nhịp tăng vừa qua đang diễn ra.

Theo thống kê định lượng, với mẫu hình hôm nay thì phiên giao dịch tiếp theo, VN-Index có xác suất giảm điểm là 50% và 46.57% giá đóng cao hơn giá mở cửa. Dựa trên thống kê, chỉ số sẽ giao dịch giằng co giữa tăng và giảm với giá đóng cửa thấp hơn giá mở cửa. Kháng cự là 1,250 điểm. Hỗ trợ vùng 1,200 điểm.

Hỗ trợ và kháng cự cổ phiếu trong ngày (EOD)

Các cổ phiếu có khối lượng giao dịch đột biến trong ngày

Danh mục cổ phiếu đáng quan tâm vào ngày mai

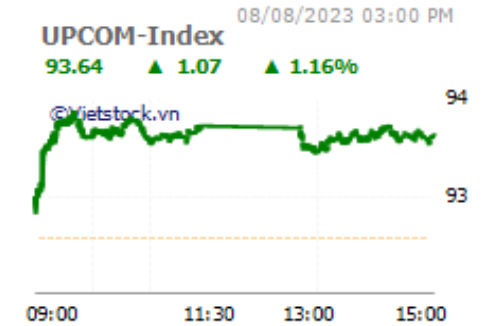
Biểu đồ trong ngày:

- Xuất khẩu cá tra lũy kế;
- Tốp các doanh nghiệp xuất khẩu dệt may;

TTCK Mỹ: Dự báo các chỉ số sẽ giảm điểm trong phiên tối nay.

CHUYỂN ĐỘNG THỊ TRƯỜNG

THỊ TRƯỜNG TRONG NGÀY



ĐỘ RỘNG THỊ TRƯỜNG

HOSE

Tổng số cổ phiếu giao dịch	537
Số cổ phiếu không có giao dịch	15
Số cổ phiếu tăng giá	341 / 61.78%
Số cổ phiếu giảm giá	129 / 23.37%
Số cổ phiếu giữ nguyên giá	82 / 14.86%

HNX

Tổng số cổ phiếu giao dịch	259
Số cổ phiếu không có giao dịch	73
Số cổ phiếu tăng giá	126 / 37.95%
Số cổ phiếu giảm giá	63 / 18.98%
Số cổ phiếu giữ nguyên giá	143 / 43.07%

UPCOM

Tổng số cổ phiếu giao dịch	400
Số cổ phiếu không có giao dịch	461
Số cổ phiếu tăng giá	239 / 27.76%
Số cổ phiếu giảm giá	88 / 10.22%
Số cổ phiếu giữ nguyên giá	534 / 62.02%

GIAO DỊCH NHÀ ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI

HOSE

	Mua	Bán	Mua-Bán
Khối lượng	163,554,912	183,583,488	-20,028,576
% KL toàn thị trường	12,62%	14,17%	
Giá trị	4337,28 tỷ	4730,80 tỷ	-393,52 tỷ
% GT toàn thị trường	19,72%	21,51%	

HNX

	Mua	Bán	Mua-Bán
Khối lượng	1,551,200	2,280,020	-728,820
% KL toàn thị trường	1,24%	1,82%	
Giá trị	32,97 tỷ	53,73 tỷ	-20,77 tỷ
% GT toàn thị trường	2,18%	3,55%	

UPCOM

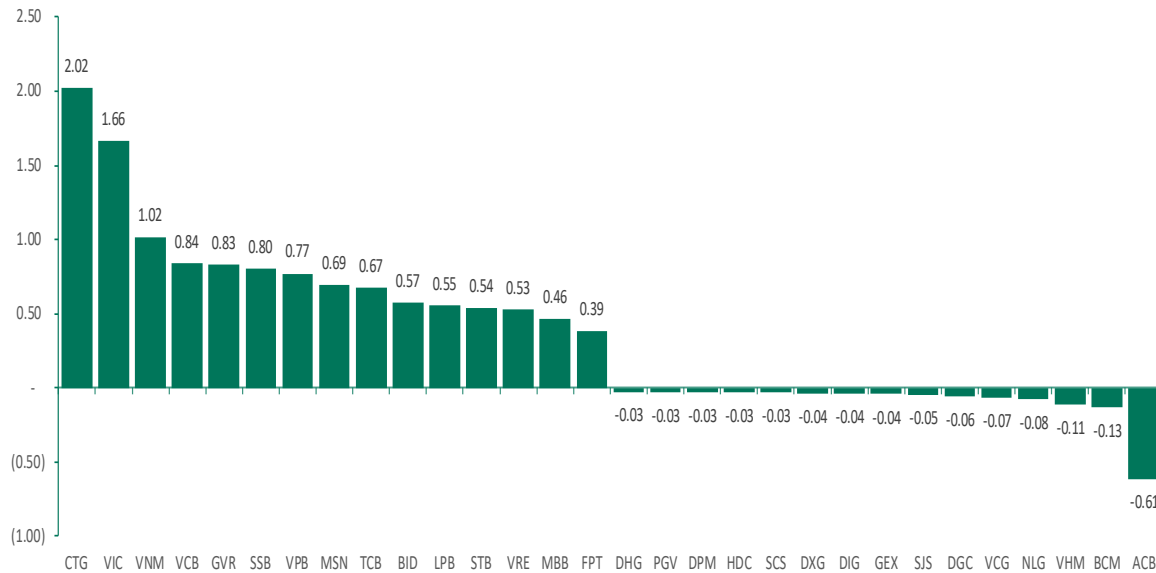
	Mua	Bán	Mua-Bán
Khối lượng	2,129,608	1,805,123	324,485
% KL toàn thị trường	2,33%	1,98%	
Giá trị	47,56 tỷ	56,97 tỷ	-9,40 tỷ
% GT toàn thị trường	4,16%	4,98%	

CHUYỂN ĐỘNG THỊ TRƯỜNG (TT)

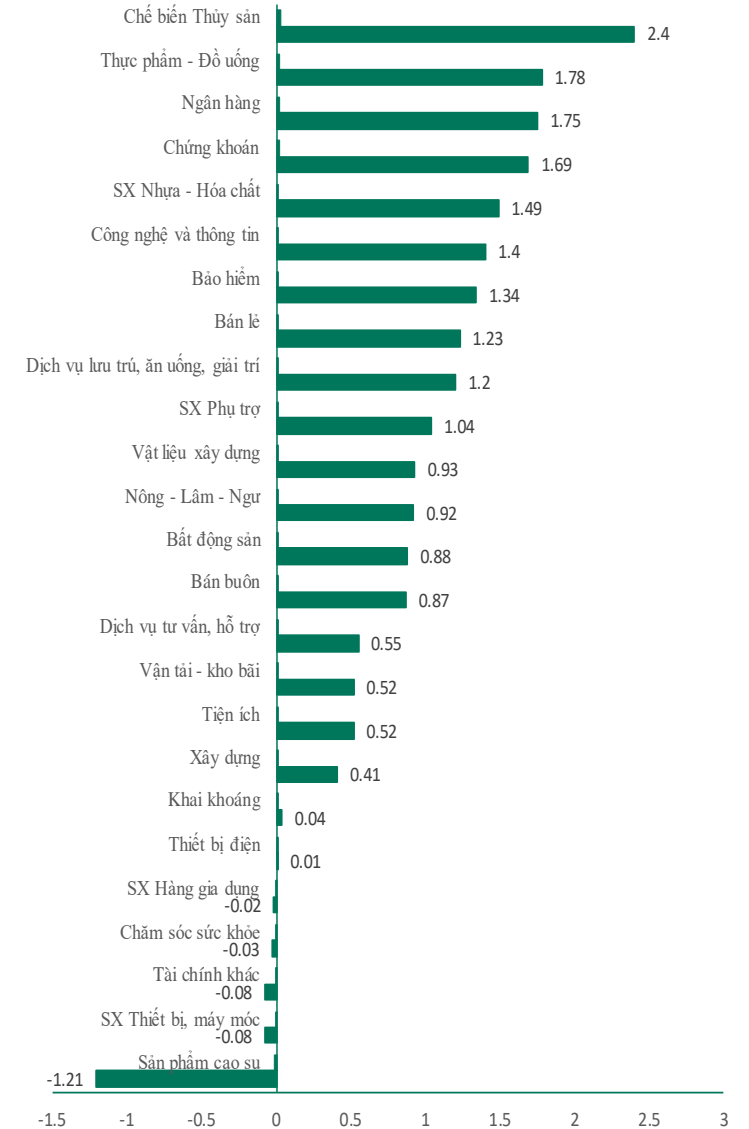
TÓP 10 VỐN HÓA

STT	Mã CK	KL	Giá	Thay đổi	P/E	P/B	EPS	Vốn hóa
1	VCB	1,111,700	90,800	700 (0.78%)	15.60	2.83	5,821	429,713
2	VHM	3,395,500	62,900	-100 (-0.16%)	9.50	1.61	6,621	273,890
3	BID	2,004,700	48,850	450 (0.93%)	15.63	2.16	3,125	247,109
4	VIC	8,090,300	63,900	1,700 (2.73%)	27.00	1.77	2,367	243,710
5	GAS	351,200	100,900	600 (0.6%)	13.19	2.86	7,649	193,118
6	HPG	23,091,900	27,550	200 (0.73%)	18.97	1.64	1,452	160,197
7	CTG	13,001,900	32,600	1,600 (5.16%)	9.34	1.33	3,491	156,667
8	VNM	4,317,900	74,900	1,900 (2.6%)	20.62	4.27	3,632	156,538
9	VPB	20,240,800	22,650	450 (2.03%)	8.33	1.41	2,718	152,054
10	MSN	2,407,300	88,200	1,900 (2.2%)	35.13	3.36	2,511	126,200

TÓP CÁC CỔ PHIẾU ẢNH HƯỞNG TỚI CHỈ SỐ VN-INDEX



TĂNG GIẢM CHỈ SỐ NGÀNH TRONG NGÀY



TTCK VIỆT NAM: Liệu có xuất hiện hiệu ứng chốt lời đồng loạt vào ngày mai ?

Góc nhìn giao dịch thị trường

Chỉ số VN-Index đóng cửa tăng 0.81 điểm (+ 0.07%) trong ngày hôm nay. Hôm nay có vài điểm đáng lưu ý như sau:

(1) Nông lâm ngư, khai khoáng, sản phẩm cao su, bất động sản, vận tải kho bãi, dịch vụ lưu trú ăn uống và giải trí... là nhóm tăng giá mạnh nhất trên sàn trong ngày. Đã tăng được dẫn dắt bởi các cổ phiếu như HAG, HNG, BAF, PVS, PVD, DRC, CSM, VIC, VRE, NVL, VJC, HVN, GMD, PVT, OCH, VNG, NVT... Các điểm cần lưu ý ở những nhóm ngành này:

(i) HAG tăng giá trong ngày:

- ✓ Mẫu hình nền giao dịch là: “Long White Candle”;
- ✓ Giá Break out kênh giảm giá trung hạn thiết lập từ ngày 7/12/2023 – Tín hiệu tốt;
- ✓ Giá tăng kèm theo sự gia tăng của khối lượng – Tín hiệu tốt;
- ✓ Dải băng mở ra hỗ trợ giá lên – Tín hiệu tốt;
- ✓ Chúng tôi lưu ý HAG thường tăng khi chỉ số giảm giá;
- ✓ Xác suất giảm giá ngày mai là 53%;

(ii) HNG tăng giá trong ngày:

- ✓ Mẫu hình nền giao dịch là: “White Candle”;
- ✓ Giá tăng kèm theo sự gia tăng của khối lượng – Tín hiệu tốt;
- ✓ Mẫu hình kỹ thuật tăng giá dài hạn với giá cắt lên MA(20) và MA(50);
- ✓ Giá trong sóng 3 tăng giá với mục tiêu giá 6;
- ✓ Xác suất tăng giá ngày mai là 51%;

(iii) VIC tăng giá trong ngày:

- ✓ Mẫu hình nền giao dịch là: “Long White Candle”;
- ✓ Giá đang ở kháng cự sóng 3 tăng giá là 68;
- ✓ Hỗ trợ sóng 4 giảm giá là 64;
- ✓ Mục tiêu sóng 5 tăng giá là 75;
- ✓ Cổ phiếu đang vùng quá mua;
- ✓ Xác suất giảm giá ngày mai là 54%;

(iv) VRE tăng giá trong ngày:

- ✓ Mẫu hình nền giao dịch là: “Long White Candle”;
- ✓ Giá có Break out kênh kháng cự giảm giá trung hạn từ ngày 5/4/2022;
- ✓ Giá mục tiêu sóng 3 tăng giá là 34;
- ✓ Xác suất tăng giá ngày mai là 51%;

(2) Chứng khoán, vật liệu xây dựng, bán lẻ, thiết bị điện, ngân hàng, sản xuất phụ trợ, xây dựng... là nhóm giảm giá nhiều nhất trong ngày. Đã giảm được dẫn dắt bởi các cổ phiếu như SSI, VND, VCI, HCM, VIX, HPG, HSG, NKG, MWG, FRT, VGC, GEX, VCB, BID, VPB, TCB, ACB, STB, PNJ, ACG, PTB, HHV, LCG, FCN ... Các điểm cần lưu ý ở những nhóm ngành này:

(i) SSI giảm giá trong ngày:

- ✓ Mẫu hình nền giao dịch là: “Black Opening Marubozu”;
- ✓ Phân kỳ âm cảnh báo sự đảo chiều giữa giá và RSI(14);
- ✓ Dải băng thắt chặt cảnh báo sự biến động mạnh sắp diễn ra;
- ✓ MACD cho tín hiệu bán ra;
- ✓ Cổ phiếu có nguy cơ điều chỉnh giảm hơn là tăng giá;
- ✓ Xác suất giảm giá ngày mai là 65%;

(ii) HPG giảm giá trong ngày:

- ✓ Mẫu hình nền giao dịch là: “Black Candle”;
- ✓ Giá giảm khối lượng tăng và giá tăng khối lượng giảm là tín hiệu tiêu cực;
- ✓ Giá phục hồi trở lại không vượt qua kháng cự động MA(20) – Mô hình nụ hôn thần chết là mẫu hình xấu lúc này;
- ✓ Xác suất giảm giá ngày mai là 56%;

(iii) GEX giảm giá trong ngày:

- ✓ Mẫu hình nền giao dịch là: “Long Black Candle”;
- ✓ Phân kỳ âm kết hợp với Failure Swing cảnh báo sự đảo chiều giữa giá và RSI(14) – Tín hiệu này khá tiêu cực cho thấy GEX có thể điều chỉnh giảm giá trong ngắn hạn. Do vậy, nhà đầu tư nên bán cổ phiếu này;
- ✓ Hỗ trợ ngắn hạn là mốc 21.8 và hỗ trợ thứ 2 là mốc 20.8;
- ✓ Xác suất giảm giá ngày mai là 56%;

(iv) ACB tăng giá trong ngày:

- ✓ Mẫu hình nền giao dịch là: “Long Black Candle”;
- ✓ Phân kỳ âm bong bóng ADX cảnh báo sự đảo chiều;
- ✓ Cổ phiếu đã giảm giá mạnh sau khi giao dịch thỏa thuận xuất hiện;
- ✓ Hỗ trợ ngắn hạn là mốc 22.5;
- ✓ Xác suất giảm giá ngày mai là 57%;

(iv) LCG tăng giá trong ngày:

- ✓ Mẫu hình nền giao dịch là: “Black Opening Marubozu”;
- ✓ Rising Wedge với phân kỳ âm cảnh báo sự đảo chiều ở đỉnh;
- ✓ Break Down giá 14 xác nhận xu hướng giảm giá ngắn hạn;
- ✓ Xác suất tăng giá ngày mai là 61%;

Phân tích kỹ thuật

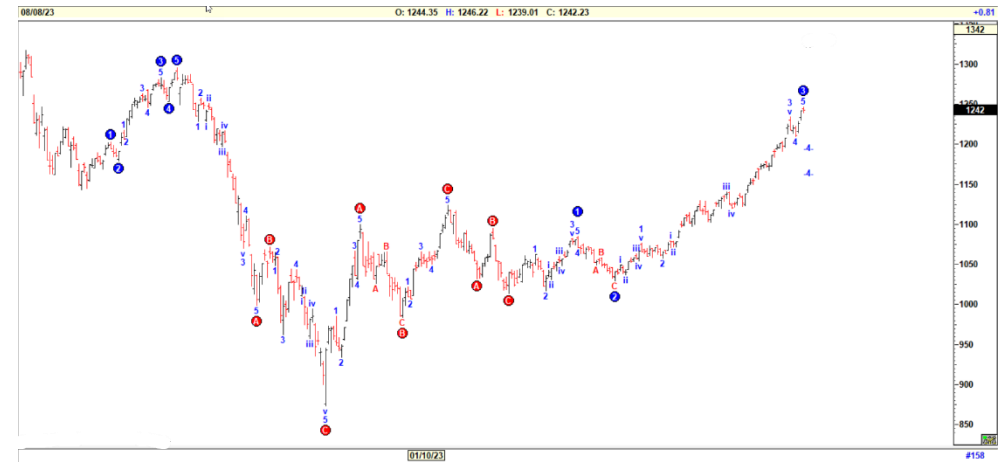
VN-Index đóng cửa giao dịch tạo thành mẫu hình giao dịch “Black Candle”. Khối lượng giao dịch tăng và nằm trên mức trung bình 20 ngày. Giá tăng khối lượng giao dịch tăng là tín hiệu giao dịch tốt về mặt kỹ thuật nhưng thực tế hôm nay số mã giảm giá gần tương đương số mã tăng giá và áp lực bán tăng mạnh.

Các điểm cần lưu ý: (i) RSI(14) ở mức cao và bắt đầu chững lại điều chỉnh. Thống kê cho thấy khi RSI khung ngày và khung tuần ở trạng thái này, thị trường thường điều chỉnh mạnh với thời gian từ 2 – 7 tuần và chúng ta đang có một phân kỳ âm cảnh báo sự đảo chiều. Tuy nhiên có lẽ đây là giai đoạn hưng phấn đang lên cao độ và đặc biệt nhóm vốn hóa lớn đang còn dư địa tăng giá nên khả năng điều chỉnh ngay chưa xuất hiện. Điều này có lẽ đang lặp lại hình ảnh tương tự như giai đoạn trước đây khi VN-Index vượt 1,200 và tiến thẳng tới 1,400 điểm (Giai đoạn Covid -19 năm 2021 – 2022). (ii) Về mặt định giá, với lãi suất tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng khoảng 7.5% thì định giá P/E thị trường ở mức hợp lý là 13.3 lần và do vậy việc chỉ số giao dịch quanh vùng 1,200 – 1,300 điểm là vùng tái định giá hợp lý. Còn khi tăng trưởng lên mức cao hơn nhà đầu tư sẽ nhìn vào kỳ vọng tăng trưởng EPS của doanh nghiệp. (iii) Nhóm ngân hàng và Vincom bắt đầu chạm vùng giá mục tiêu của đà tăng giá những ngày qua. Điều này có thể gây áp lực điều chỉnh ở những phiên giao dịch sắp tới. Nếu điều này xảy ra cũng là điều hoàn toàn bình thường. (iv) Một vài mã vốn hóa nhỏ vẫn giao dịch tốt như MCG, JVC, MCG, TSC, LIG... Dù chưa thành trào lưu nhưng ít nhiều cho thấy xu hướng đẩy mua vào nhóm vốn hóa nhỏ sau nhịp tăng vừa qua đang diễn ra.

Theo phương pháp phân tích “Price Action” với VN30 chúng ta có 11 mã cho tín hiệu mua, 12 mã cho tín hiệu bán, 07 mã cho tín hiệu đi ngang. VJC, VRE, TPB, SAB, GAS... cho tín hiệu tích cực.

Theo thống kê định lượng, với mẫu hình hôm nay thì phiên giao dịch tiếp theo, VN-Index có xác suất giảm điểm là 50% và 46.57% giá đóng cao hơn giá mở cửa. Dựa trên thống kê, chỉ số sẽ giao dịch giằng co giữa tăng và giảm với giá đóng cửa thấp hơn giá mở cửa. Kháng cự là 1,250 điểm. Hỗ trợ vùng 1,200 điểm.

Biểu đồ chỉ số VN-Index



Biểu đồ cổ phiếu HNG



HỖ TRỢ VÀ KHÁNG CỰ CỔ PHIẾU TRONG NGÀY

Ticker	Pivot	BC	TC	NarrowRange	R1	R2	R3	R4	S1	S2	S3	S4
HNX30	494.23	493.88	494.58	YES	498.06	501.19	505.02	508.15	491.1	487.27	484.14	480.31
HNXINDEX	244.85	244.44	245.27	NO	247.07	248.45	250.67	252.05	243.47	241.25	239.87	237.65
UPINDEX	92.34	92.23	92.46	NO	92.97	93.36	93.99	94.38	91.95	91.32	90.93	90.3
VN30	1243.9	1240.5	1247.3	NO	1257.5	1264.2	1277.8	1284.5	1237.2	1223.6	1216.9	1203.3
VNINDEX	1237.8	1235.9	1239.6	NO	1245.2	1248.9	1256.3	1260	1234	1226.7	1222.9	1215.5
VNXALL	1959.7	1955.4	1964	NO	1977	1985.6	2002.8	2011.5	1951.1	1933.9	1925.3	1908
VN30F1M	1245.2	1242.8	1247.7	NO	1255.2	1260.1	1270.1	1275	1240.3	1230.3	1225.4	1215.4
VN30F1Q	1242.8	1240.8	1244.7	NO	1250.6	1254.6	1262.4	1266.4	1238.8	1231	1227	1219.2
VN30F2M	1243	1241	1245	NO	1251	1255	1263	1267	1239	1231	1227	1219
VN30F2Q	1235.6	1234.9	1236.3	YES	1239.2	1241.4	1245	1247.2	1233.4	1229.8	1227.6	1224
BID	48.92	48.95	48.88	YES	49.38	49.92	50.38	50.92	48.38	47.92	47.38	46.92
BVH	47.72	47.58	47.86	NO	48.28	48.57	49.13	49.42	47.43	46.87	46.58	46.02
CTG	32.15	31.92	32.37	NO	33.05	33.5	34.4	34.85	31.7	30.8	30.35	29.45
GVR	22.5	22.4	22.6	NO	23	23.3	23.8	24.1	22.2	21.7	21.4	20.9
PPT	84.1	83.9	84.3	NO	84.9	85.3	86.1	86.5	83.7	82.9	82.5	81.7
GAS	100.7	100.6	100.8	YES	101.5	102.1	102.9	103.5	100.1	99.3	98.7	97.9
HDB	17.37	17.38	17.36	YES	17.48	17.62	17.73	17.87	17.23	17.12	16.98	16.87
HPG	27.53	27.52	27.54	YES	27.77	27.98	28.22	28.43	27.32	27.08	26.87	26.63
KDH	36.18	36.28	36.09	NO	36.72	37.43	37.97	38.68	35.47	34.93	34.22	33.68
MBB	19.27	19.22	19.31	NO	19.48	19.62	19.83	19.97	19.13	18.92	18.78	18.57
MSN	87.47	87.1	87.83	NO	88.93	89.67	91.13	91.87	86.73	85.27	84.53	83.07
MWG	54	54.1	53.9	NO	54.7	55.6	56.3	57.2	53.1	52.4	51.5	50.8
NVL	20.23	20.25	20.22	YES	20.67	21.13	21.57	22.03	19.77	19.33	18.87	18.43
PLX	40.5	40.5	40.5	YES	40.7	40.9	41.1	41.3	40.3	40.1	39.9	39.7
POW	13.68	13.68	13.69	YES	13.82	13.93	14.07	14.18	13.57	13.43	13.32	13.18
PDR	22.42	22.38	22.46	NO	22.83	23.17	23.58	23.92	22.08	21.67	21.33	20.92
SAB	160.93	160.9	160.97	YES	162.27	163.53	164.87	166.13	159.67	158.33	157.07	155.73
SSI	29.68	29.67	29.69	YES	29.97	30.23	30.52	30.78	29.42	29.13	28.87	28.58
TCB	34.27	34.22	34.31	NO	34.53	34.72	34.98	35.17	34.08	33.82	33.63	33.37
TPB	19.23	19.2	19.27	NO	19.52	19.73	20.02	20.23	19.02	18.73	18.52	18.23
STB	29.78	29.65	29.92	NO	30.52	30.98	31.72	32.18	29.32	28.58	28.12	27.38
VHM	62.73	62.65	62.82	NO	63.87	64.83	65.97	66.93	61.77	60.63	59.67	58.53
VCB	90.53	90.4	90.67	NO	91.07	91.33	91.87	92.13	90.27	89.73	89.47	88.93
VIB	21.37	21.35	21.38	YES	21.73	22.07	22.43	22.77	21.03	20.67	20.33	19.97
VJC	101.27	100.95	101.58	NO	102.53	103.17	104.43	105.07	100.63	99.37	98.73	97.47
VIC	63.53	63.35	63.72	NO	64.67	65.43	66.57	67.33	62.77	61.63	60.87	59.73
VRE	29.33	29.2	29.47	NO	29.87	30.13	30.67	30.93	29.07	28.53	28.27	27.73
VPB	22.65	22.65	22.65	YES	23	23.35	23.7	24.05	22.3	21.95	21.6	21.25
VNM	74.03	73.6	74.47	NO	75.77	76.63	78.37	79.23	73.17	71.43	70.57	68.83
VRE	29.93	29.65	30.22	NO	31.32	32.13	33.52	34.33	29.12	27.73	26.92	25.53

CÁC CỔ PHIẾU CÓ KHỐI LƯỢNG GIAO DỊCH ĐỘT BIẾN

Ticker	Volume	AvgVolume 10 Days	Change %	Daily Returns %
HQC	56,165,600	16,475,090	341	4.08
STB	49,624,600	21,141,160	235	3.8
ACB	28,085,700	12,325,410	228	-2.66
HPX	21,783,800	6,781,060	321	6.97
LPB	20,336,600	7,432,360	273.62	6.96
TPB	17,746,100	8,634,300	206	1.85
HDC	12,712,300	6,326,650	201	-2.39
TSC	9,312,500	4,346,760	214.24	6.78
SBS	9,123,200	3,088,080	295	7.14
AAS	3,579,100	1,176,120	304	5.56
KVC	3,405,200	1,473,530	231.09	3.45
VSC	3,342,400	1,487,220	225	3.25
VDS	2,656,000	1,101,630	241	6.91
CMX	2,625,500	1,089,800	241	6.57
BVB	2,156,800	846,380	255	3.54
TCI	1,881,600	373,860	503.29	8.33
HCD	1,830,500	751,920	243	6.95
SGB	1,817,000	198,750	914	5.13
AFX	1,676,800	576,810	291	3.1
NVB	1,435,700	658,490	218	6.71
ABW	1,228,100	275,630	445.56	14.29
HOM	1,186,000	116,670	1,017	8.47
MPC	1,105,900	364,110	304	4.37
BNA	755,900	340,930	222	6.72
EIN	666,700	193,500	345	11.36
PSI	449,800	150,680	298.51	7.78
OCH	434,300	170,180	255	4.71
VCS	417,000	171,120	244	4.6
TKG	317,900	81,520	390	0
ST8	302,000	123,380	245	4.52
VRC	296,300	116,220	255	6.76
SPI	276,900	88,560	313	9.68
WSS	254,600	79,720	319	7.79
DID	244,400	103,280	237	5.17
TIS	205,700	63,820	322	1.96
BTS	194,600	72,250	269	3.08
GPC	193,300	67,080	288	0
SDD	188,400	67,370	280	3.57
SGT	175,600	78,830	223	6.83
TCL	172,500	39,990	431	0.12

- Resistance và Support: Là các hỗ trợ và kháng cự trong ngày của cổ phiếu. Nhà đầu tư khi mua bán thì cần theo các vùng giá hỗ trợ hay kháng cự.
- Pivot: Là nơi xác nhận xu hướng đảo chiều của cổ phiếu.

- Lưu ý: HQC, SHB ... bùng nổ khối lượng giao dịch

DANH MỤC CỔ PHIẾU ĐÁNG QUAN TÂM VÀO NGÀY MAI

Ngày khuyến nghị	Mã CK	Khuyến nghị hành động	Giá mua/bán	Hiệu suất sinh lời	Ghi chú
7-Aug	CMX	Mua	≤ 12	10% -20%	Buy Kumo Break Out
7-Aug	HHS	Mua	≤ 7	10% -20%	Mua khi cổ phiếu điều chỉnh giảm trở lại/ Cổ phiếu nằm ngoài dải băng - Có khả năng điều chỉnh giảm trở lại
7-Aug	CII	Mua	≤ 22.2	10% -20%	Cổ phiếu đang trong sóng 5 tăng giá/Buy Kumo Break out/Khả năng được chấp thuận sáp nhập với SVC
7-Aug	HUT	Mua	≤ 25	10% -20%	Cổ phiếu đang trong sóng 5 tăng giá/Buy Kumo Break out

Các lưu ý cần chú ý:

- Hôm nay chúng tôi **KHÔNG MỞ MUA CỔ PHIẾU MỚI NÀO.**
- VN-Index đang ở vùng quá mua nhưng dường như nhóm vốn hóa lớn vẫn còn dư địa tăng giá. Điều này cho thấy khả năng tăng điểm vẫn còn. Tuy nhiên, không loại trừ trong quá trình tăng giá có phiên chốt lời đồng loạt tạo hiệu ứng điều chỉnh.
- Vùng giá kháng cự tiềm năng là vùng 1,250 - 1,330 điểm;
- Hỗ trợ mạnh ở vùng 1,180 – 1,200 điểm.
- Áp lực bán có thể gia tăng ở nhóm Beta cao như chứng khoán bất động sản vào ngày mai.
- Nhóm vốn hóa nhỏ có thể vẫn phân hóa duy trì đà tăng điểm.
- Nhóm vốn hóa trung bình sẽ có số mã tăng điểm hạn chế hơn.

Tin tức kinh tế, vĩ mô

- Thị trường ngoại tệ: Phiên 07/08, NHNN niêm yết tỷ giá trung tâm ở mức 23.815 VND/USD, giảm 10 đồng so với phiên cuối tuần trước. Tỷ giá mua giao ngay được giữ nguyên niêm yết ở mức 23.400 VND/USD; tỷ giá bán giao ngay được niêm yết ở mức 24.955 VND/USD, thấp hơn 50 đồng so với trần tỷ giá. Trên thị trường LNH, tỷ giá chốt phiên ở mức 23.725 VND/USD, không thay đổi so với phiên 04/08. Tỷ giá trên thị trường tự do giữ nguyên ở cả hai chiều mua vào và bán ra, giao dịch tại 23.730 VND/USD và 23.800 VND/USD.
- Thủ Thị trường tiền tệ LNH: Ngày 07/08, lãi suất chào bình quân LNH VND đi ngang ở các kỳ hạn ON và 1M trong khi tăng 0,04 – 0,06 đpt ở các kỳ hạn 1W và 2W so với phiên cuối tuần trước, cụ thể: ON 0,26; 1W 0,52%; 2W 0,74% và 1M 1,90%. Lãi suất chào bình quân LNH USD tăng 0,02 – 0,04 đpt ở tất cả các kỳ hạn; giao dịch tại: ON 5,05%; 1W 5,16%; 2W 5,24%, 1M 5,37%. Lợi suất TPCP trên thị trường thứ cấp giảm ở các kỳ hạn 3Y và 15Y trong khi đi ngang ở kỳ hạn 5Y, tăng ở các kỳ hạn còn lại, cụ thể: 3Y 1,71%; 5Y 1,82%; 7Y 2,12%; 10Y 2,44%; 15Y 2,65%.
- Nghiệp vụ thị trường mở: Phiên cuối tuần qua, trên kênh cầm cố, NHNN tiếp tục chào thầu 3.000 tỷ đồng với kỳ hạn 07 ngày, lãi suất giữ ở mức 4,0%. Phiên này không có khối lượng trúng thầu, không còn khối lượng lưu hành trên kênh cầm cố. NHNN tiếp tục không chào thầu tín phiếu.

Các thức chốt lời và dừng lỗ

- Các mã trong danh mục chúng tôi khuyến nghị khi đạt hiệu suất sinh lời kỳ vọng nhà đầu tư có thể chốt lời hoặc đặt Trailing Stop (Các lệnh duy trì mức lãi mong muốn để đảm bảo tỷ lãi khi thị trường đảo chiều sau khi đã có lãi đạt kỳ vọng và để tài khoản nuôi lãi chạy).
- Nguyên tắc dừng lỗ. Nhà đầu tư có thể lựa chọn các nguyên tắc dừng lỗ sau tùy theo quan điểm lựa chọn:
- Đặt mức dừng lỗ bằng ½ mức lợi nhuận trung bình mà mình kiếm được hàng năm;
- Đặt mức dừng lỗ theo điểm “Uncle”: Ngưỡng mà bản thân không thể chịu đựng được;
- Đặt mức dừng lỗ 10% ;

BIỂU ĐỒ TRONG NGÀY

Xuất khẩu cá tra lữ kế

GIÁ TRỊ XUẤT KHẨU

Chú thích: Số liệu lũy kế từ đầu năm đến tháng báo cáo

Thời gian	Tổng	TQ và HK	Mỹ	ASEAN	EU	Anh	Mexico	Brazil	Colombia	Khác
2023 06	872.70	280.56	140.62	76.46	88.40	33.20	31.57	37.81	16.01	168.08
2023 05	729.58	232.59	118.10	65.46	76.88	27.31	26.20	31.47	13.48	138.11
2023 04	569.95	182.84	85.70	51.76	60.04	21.87	22.20	25.06	11.42	109.07
2023 03	421.92	142.96	57.75	39.77	44.70	16.21	15.04	19.28	9.97	76.25
2023 02	239.58	78.43	26.94	25.68	25.29	9.12	9.20	13.78	7.62	43.52
2023 01	83.65	12.82	9.84	11.55	10.68	4.58	3.81	7.44	4.20	18.72
2022 12	2,443.67	712.05	537.20	194.23	205.93	63.87	105.11	95.05	47.63	482.61
2022 11	2,293.64	668.97	520.92	182.30	187.70	58.20	97.73	87.20	41.58	449.05
2022 10	2,147.77	638.15	491.27	167.24	173.12	54.71	91.62	79.64	37.39	414.63
2022 09	1,968.66	589.43	453.68	151.80	159.64	49.96	84.96	71.62	32.32	375.26
2022 08	1,804.31	540.43	421.49	136.13	146.62	45.26	80.00	64.40	29.50	340.50
2022 07	1,609.59	476.17	388.33	121.37	129.55	39.36	72.64	55.74	25.40	301.03
2022 06	1,423.57	427.61	356.44	106.48	110.68	32.26	62.39	49.11	22.11	256.49

TĂNG TRƯỞNG LŨY KẾ SO VỚI LŨY KẾ CÙNG KỲ

%YoY_lũy kế

Thời gian	Tổng	TQ và HK	Mỹ	ASEAN	EU	Anh	Mexico	Brazil	Colombia	Khác
2023 06	-38.70%	-34.39%	-60.55%	-28.19%	-20.14%	2.90%	-49.40%	-23.00%	-27.57%	-34.47%
2023 05	-39.75%	-37.32%	-61.91%	-27.46%	-13.26%	7.46%	-49.46%	-23.55%	-30.28%	-35.21%
2023 04	-40.83%	-39.07%	-64.45%	-29.00%	-8.19%	12.92%	-44.95%	-33.49%	-27.41%	-36.13%
2023 03	-35.41%	-22.06%	-63.91%	-27.23%	-4.40%	33.86%	-46.65%	-40.07%	-24.63%	-37.84%
2023 02	-37.74%	-8.67%	-71.51%	-27.89%	-9.52%	26.69%	-49.76%	-45.03%	-23.29%	-45.81%
2023 01	-60.84%	-61.93%	-81.29%	-43.20%	-37.40%	-1.67%	-68.98%	-55.76%	-43.65%	-61.56%
2022 12	51.05%	58.29%	44.95%	54.24%	93.92%	23.64%	51.80%	34.78%	-15.38%	51.97%
2022 11	63.51%	77.64%	60.81%	67.48%	99.75%	25.73%	59.04%	41.82%	-12.76%	58.95%
2022 10	77.06%	105.73%	69.60%	77.76%	102.55%	31.92%	66.95%	58.53%	-0.09%	66.12%
2022 09	82.92%	111.39%	83.18%	82.72%	104.39%	29.74%	69.83%	59.32%	5.69%	67.18%
2022 08	81.49%	106.30%	87.44%	74.93%	98.81%	25.17%	72.63%	55.46%	4.90%	67.13%
2022 07	77.53%	100.27%	92.30%	71.03%	87.45%	15.80%	70.91%	45.43%	-1.82%	61.67%
2022 06	82.40%	107.33%	111.24%	67.56%	92.19%	10.84%	68.48%	47.15%	1.82%	57.23%

Tốp các doanh nghiệp xuất khẩu dệt may

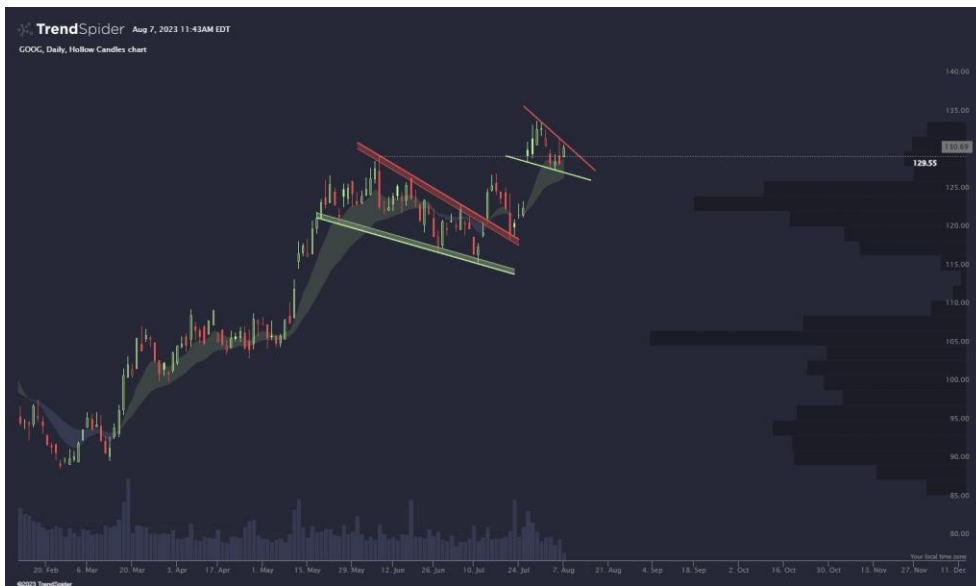
TÊN DOANH NGHIỆP (VNese)	2023 06	2023 05	2023 04	2023 03	2023 02	2023 01	2022 12
CÔNG TY TNHH GAIN LUCKY (VIỆT NAM)	336,337,060	257,418,698	209,686,119	154,427,415	91,096,647	33,014,223	657,267,609
CÔNG TY TNHH REGINA MIRACLE INTERNATIONAL	323,365,458	266,905,882	200,801,380	159,000,639	87,642,749	41,990,456	540,646,982
CÔNG TY TNHH WORLDON (VIỆT NAM)	264,471,546	200,685,391	155,163,139	92,462,123	57,365,043	34,112,671	464,538,548
CÔNG TY TNHH MÂY TINH LỢI	230,297,095	184,042,963	145,062,255	101,478,774	59,643,493	27,547,237	635,984,724
TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN MÂY VIỆT TIẾN	213,643,210	172,654,157	135,450,096	99,202,934	66,407,663	32,697,723	495,830,553
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ THƯƠNG MẠI TNG	162,699,624	130,060,285	97,151,310	66,608,647	40,252,169	20,107,030	333,120,009
CÔNG TY TNHH YOUNGONE NAM ĐỊNH	150,174,717	116,592,306	84,316,189	61,127,629	37,971,403	18,650,329	308,151,018
CÔNG TY TNHH SAKURAI VIỆT NAM	140,229,698	112,340,308	78,896,616	54,980,198	30,792,761	10,825,377	281,653,094
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN TÂN ĐỆ	138,770,989	107,226,527	78,472,260	56,487,800	36,476,725	6,842,673	197,988,659
CÔNG TY CỔ PHẦN MÂY SÔNG HỒNG	118,963,947	97,056,116	65,510,618	43,349,588	24,496,712	12,742,457	308,626,340
CÔNG TY TNHH MÂY MẶC MAKALOT VIỆT NAM	115,991,910	97,557,298	74,190,212	56,460,635	34,277,832	14,126,652	242,971,521
CÔNG TY CP MÂY XUẤT KHẨU HÀ PHONG	111,170,766	88,841,719	61,289,829	45,666,688	30,519,637	13,174,454	291,195,311
CÔNG TY TNHH HANESBRANDS VIỆT NAM HUẾ	105,469,074	84,730,184	64,587,130	42,789,670	25,296,188	10,673,568	231,148,432
CÔNG TY TNHH TAV	104,967,844	92,225,364	72,559,722	54,152,032	34,949,410	14,243,495	245,617,823
TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT MAY HÒA THỌ	100,939,572	86,373,119	66,629,327	52,199,812	34,329,087	15,333,726	237,828,008
CÔNG TY TNHH CRYSTAL MARTIN (VIỆT NAM)	100,067,685	87,536,240	74,761,440	51,809,655	39,314,812	16,013,062	257,538,945
CÔNG TY TNHH ESPRINTA (VIỆT NAM)	96,972,355	73,523,333	48,261,390	34,859,875	17,802,628	7,256,762	270,822,025
CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ PHONG PHÚ	93,322,252	74,532,646	56,695,758	45,830,296	28,874,195	15,864,690	218,608,256
CÔNG TY TNHH MÂY MẶC FIRST TEAM VIỆT NAM	89,484,920	57,665,289	30,160,362	15,852,270	9,527,744	6,054,382	149,797,367
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN FASHION GARMİ	87,597,098	73,082,015	55,878,694	38,070,631	21,337,061	10,914,955	236,585,759
TỔNG CÔNG TY MAY 10 - CÔNG TY CỔ PHẦN	86,543,916	69,972,246	52,466,129	39,558,392	28,011,030	14,135,179	210,147,065
CÔNG TY TNHH MÂY MẶC ALLIANCE ONE	84,546,319	73,302,201	63,665,296	41,481,650	25,558,959	11,130,767	130,037,362
CÔNG TY TNHH MAXPORT LIMITED (VIỆT NAM)	82,088,737	64,014,139	53,201,501	37,759,395	27,528,720	15,943,884	204,571,806
CÔNG TY TNHH HANSAE TG	77,803,125	58,694,434	41,785,055	26,852,634	14,233,784	6,782,171	185,313,867
CÔNG TY MÂY MẶC QUẢNG VIỆT	75,709,966	53,076,190	34,469,631	20,390,878	10,073,648	4,867,739	179,617,669
CÔNG TY TNHH S&H VINA	75,329,843	59,279,515	46,916,487	36,537,298	20,971,396	11,787,738	156,746,104
CÔNG TY TNHH DỆT MAY ECLAT VIỆT NAM	72,165,464	58,326,601	47,604,893	29,928,949	19,227,924	10,280,547	165,028,859
CÔNG TY TNHH HANESBRANDS VIỆT NAM	72,146,509	59,416,663	49,997,612	34,973,242	20,126,659	6,616,574	159,958,629
CÔNG TY TNHH APPAREL FAR EASTERN (VIỆT NAM)	68,997,454	56,186,738	42,880,963	30,440,892	19,500,404	15,690,953	161,766,516

TTCK MỸ: Xu hướng chính tháng 8 là xu hướng giảm điếm

AAPL chịu áp lực điều chỉnh giảm giá



Google là cổ phiếu công nghệ lớn hiếm hoi vẫn duy trì mẫu hình đẹp



NFLX vẫn đang ở ngưỡng hỗ trợ và cần vượt qua kháng cự



Kết luận: Dự báo các chỉ số sẽ giảm điếm trong phiên tối nay.

KHUYẾN CÁO SỬ DỤNG

(*)Bản quyền: Bản tin này được bảo vệ bản quyền Công ty Cổ phần Chứng Khoán Smart Invest bởi luật pháp Việt Nam và các luật lệ, công ước khác Mọi hình thức sao chép, tái bản, sử dụng trên các phương tiện truyền thông đối với Bản tin này cần được sự đồng thuận của Công ty cổ phần chứng khoán Smart Invest

Tuyên bố miễn trách nhiệm: Những dữ liệu trong Bản tin này được dựa trên và dẫn xuất từ những nguồn thông tin đại chúng và được cho là đáng tin cậy; tuy nhiên chúng tôi không bảo đảm và cam kết về tính chính xác và thích hợp của các thông tin đó đối với mọi đối tượng người dùng Dữ liệu trong Bản tin có thể thay đổi mà không cần báo trước Bản tin được viết cho mục đích cung cấp thông tin, không bao gồm bất cứ một khuyến nghị mua bán nào hướng tới mọi loại công cụ tài chính và cam kết trong bất kỳ chiến lược giao dịch nào Công ty cổ phần chứng khoán Smart Invest miễn trách đối với mọi hình thức hiểu và sử dụng Bản tin.



CÔNG TY CP CHỨNG KHOÁN SMART INVEST

Trung tâm nghiên cứu và phân tích

TRỤ SỞ CHÍNH:

Toà nhà Smart Invest, Số 222 Nguyễn Lương Bằng, P.Quang Trung , Q. Đống Đa, TP. Hà Nội

Tel: 0243 – 5739779

Fax: 0243 – 5739769